

Bản án số: 121/2021/HS-ST  
Ngày 04 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Chí Thành là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 09 đường Phú Hòa, Phường 07, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/HSST-QĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. A, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1984, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường A1, Phường A2, quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông B (chết) và bà B1; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con út; tiền án: Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 531/HSST ngày 13/5/2002). Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 1539/HSST ngày 08/9/2004). Bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 137/2010/HSST ngày 23/6/2010). Bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 33/2015/HSST ngày 06/02/2015), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 07/3/2020; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 22/01/2021 (có mặt).

2. C, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1989, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường C1, Phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông D và bà D2; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con cả; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 134/2009/HSST ngày 18/5/2009). Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 42/2012/HSST ngày 06/3/2012), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 02/02/2016; bị bắt phạm tội quả tang ngày 10/12/2020 (có mặt).

- *Bị hại:* Chị H, sinh năm: 1993; hộ khẩu thường trú: Ấp H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở: H4, Phường H5, quận H6, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị hại:* Chị Y, sinh năm: 2000; hộ khẩu thường trú: K, thành phố L, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Chị X, sinh năm: 1997

Địa chỉ: X1, Phường X2, quận X3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Chị V, sinh năm: 1991

Địa chỉ: V1, Phường V2, quận V3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Chị V4, sinh năm: 1976

Địa chỉ: đường V5, Phường V6, quận V7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 09/09/2020, A mượn xe máy hiệu Honda Vario, biển số: 59P2-758.11 của anh A5 để đi công việc. Sau khi mượn được xe, A điện thoại cho C rủ đi cướp giật tài sản, C đồng ý. Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, A chạy xe đến điểm hẹn chờ C đi qua nhiều tuyến đường tìm tài sản. Khi cả hai đi ngang qua tiệm làm móng số 221/1 Đất Thánh, Phường 6, quận Tân Bình, C phát hiện chị H đang ngồi làm móng chân trong tiệm, trên cổ có đeo một sợi dây chuyền màu vàng, C chỉ cho A thấy và kêu A cùng giật sợi dây chuyền, A đồng ý. A dừng xe phía bên hông nhà số 221/7 Đất Thánh, C xuống xe đi bộ đến giật sợi dây chuyền của chị Kiều rồi bỏ chạy đến chỗ A đang đợi rồi cả hai phóng xe chạy tẩu thoát. Sau đó, cả hai chạy đến tiệm vàng bán sợi dây chuyền với giá 2.800.000 đồng, chia nhau mỗi người 1.400.000 đồng. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, A và C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngoài ra, C còn khai nhận: Vào khoảng 18 giờ ngày 10/12/2020, C đi xe ôm Grab qua nhà bạn X2 để mượn xe máy hiệu Honda Vision biển số 59P1-953.85 đi uống cà phê, Xuân đồng ý cho mượn. Sau khi mượn được xe, C không đi uống cà phê mà điều khiển xe về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi chạy xe đến trước số 72/27/1 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, quận Tân Bình, C phát hiện chị Y đi bộ, trên tay đang sử dụng điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max, C liền chạy xe áp sát chị Kiển, dùng tay giật chiếc điện thoại iPhone 11 Pro Max và tăng ga bỏ chạy. Khi chạy đến trước nhà số 24 Ba Vân, Phường 14, quận Tân Bình, C tự ngã xe và bị người dân bắt giữ cùng chiếc điện thoại giao cho Công an.

\* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) áo thun tay dài màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh; 01 (một) khẩu trang màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 3 màu đen, số Imei 1: 351726110163263, số Imei 2: 351726110163271; 01 (một) áo khoác màu xanh dương dài tay có ghi chữ “MIND BLOW03”; 01 (một) đôi giày thể thao hiệu ESTY 2010; 01 (một) nón bảo hiểm màu cam - xanh có ghi chữ Ahamove và 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59P2-758.11, số máy: KF11E2520404, số khung: MH1KF1123JK526815 thu giữ của A.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max; 01 (một) điện thoại di động màu đen, số Imei 1: 357141/06/489065/1 có simcard số: 89840509191042263612; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen; 01 (một) quần Jean màu xanh; 01 (một) xe máy hiệu Honda Vision biển số: 59P1-953.86, số máy: F33E-0595613, số khung: 16DY-515469 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 091408, biển số xe: 59P1-953.86 đứng tên Nguyễn Thị Hoa thu giữ của C.

Theo Kết luận định giá tài sản số 254/HĐĐGTS-TTHS ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1.2 chỉ có giá trị 4.864.800đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm) đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 27/HĐĐGTS-TTHS ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max 256GB màu vàng (Gold), đã qua sử dụng có giá trị 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu) đồng.

Bản cáo trạng số 92/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo A về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; bị cáo C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Vào ngày 09/9/2020, A điều khiển xe gắn máy chở C tìm tài sản sơ hở để cướp giật, C phát hiện chị H đang ngồi trong tiệm làm móng số 221/1 Đất Thánh, Phường 6, quận Tân Bình, trên cổ đeo một sợi dây chuyền màu vàng, C chỉ cho A thấy, A dừng xe để C đi bộ đến giật sợi dây chuyền. Sau khi giật xong, cả hai

mang đi bán sợi dây chuyền được 2.800.000 đồng, chia mỗi người 1.400.000 đồng. Ngoài ra, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, C điều khiển xe gắn máy giật điện thoại di động của chị Y tại trước số 72/27/1 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, quận Tân Bình thì bị bắt quả tang. Hành vi của A và C đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự (bị cáo A phạm tội thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; bị cáo C phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự). Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo A và C về tội cướp giật tài sản. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo A và C phạm tội “Cướp giật tài sản”

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 171; Điều 38 và điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định. Về phần dân sự: Chị Y đã nhận lại tài sản, riêng chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

\* Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đối với quần áo, mũ bảo hiểm, khẩu trang và giày bị thu giữ, tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại.

\* Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo A: Bị cáo đã biết tội của mình.

Bị cáo C: Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận Tân Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 09/9/2020, A sử dụng xe gắn máy làm phương tiện chở C để thực hiện việc cướp giật tài sản. Khi đến số 221/1 Đát Thánh, Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, C phát hiện chị H đang ngồi trong tiệm làm móng chân, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng, C xuống xe đi bộ đến công khai giật sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1.2 chỉ của chị Kiều trị giá 4.864.800 đồng rồi nhanh chóng cùng A lên xe tẩu thoát. Với hành vi trên, các bị cáo A và C đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo A có 04 tiền án về tội cướp giật tài sản (bản án sau cùng bị kết án với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm”), cả 04 lần kết án này chưa được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý. Như vậy, xác định lần phạm tội này của bị cáo A thuộc trường hợp “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, C còn dùng xe gắn máy làm phương tiện, chạy áp sát chị Y đang đi bộ trên đường, công khai giật chiếc điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max 256GB của chị Kiển trị giá 23.000.000 đồng rồi nhanh chóng tăng ga bỏ chạy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo còn thể hiện rất táo bạo, liều lĩnh. Riêng bị cáo C sử dụng xe gắn máy làm phương tiện ngang nhiên cướp giật tài sản của người khác ngay trên đường phố, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và của những người đang tham gia giao thông, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì động cơ tư lợi muốn có được tiền mà không phải bỏ công sức lao động chân chính, đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Nhân thân các bị cáo rất xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội cướp giật tài sản, sau khi chấp hành xong án phạt tù, các bị cáo đang ở tuổi lao động, không lấy đó để chí thú làm ăn lương thiện, để xây dựng tương lai cho mình mà lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, cho thấy thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình là có căn cứ.



[4] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án xảy ra vào ngày 09/9/2020: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo A với vai trò là người khởi xướng, rủ rê C thực hiện tội phạm, đồng thời sử dụng xe phân khối chõ C thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên bị cáo giữ vai trò chính; còn bị cáo C đóng vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và mức độ tham gia của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C nhiều lần chiếm đoạt tài sản của các bị hại, trong đó mỗi lần cách nhau một khoảng thời gian nhất định, đều xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể, mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, cần áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Lần phạm tội này của bị cáo A thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây đã là yếu tố định khung hình phạt nên không được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 3 màu đen, số Imei 1: 351726110163263, số Imei 2: 351726110163271 và 01 (một) điện thoại di động màu đen, số Imei: 357141/06/489065/1, có simcard số: 89840509191042263612 là phương tiện các bị cáo liên lạc dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59P2-758.11; 01 (một) xe máy hiệu Honda Vision biển số 59P1-953.85 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 091408, biển số xe 59P1-953.85 là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Qua điều tra xác minh thể hiện hai chiếc xe máy trên do anh Trần Thanh Sang và bà Nguyễn Thị Hoa đứng tên đăng ký xe và thuộc sở hữu hợp pháp của anh Sang và bà Hoa. Việc bị cáo A mượn chiếc xe Honda Vario của anh Sang và bị cáo C mượn chiếc xe Honda Vision của chị X2 (con gái bà Hoa) để dùng vào việc phạm tội thì anh Sang và chị Xuân không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã trả lại hai

chiếc xe này và giấy đăng ký xe cho anh Sang và bà Hoa là có căn cứ, đúng quy định.

[8.3] Đối với 01 (một) áo thun tay dài màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh; 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng; 01 (một) áo khoác màu xanh dương dài tay có ghi chữ “MIND BLOW03”; 01 (một) đôi giày thể thao hiệu ESTY 2010; 01 (một) nón bảo hiểm màu cam - xanh có ghi chữ Ahamove của A và 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen; 01 (một) quần Jean màu xanh của C. Tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[8.4] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 11 Pro Max bị cáo C chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Y đúng quy định,

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Kiển đã nhận lại tài sản. Về phần bồi thường dân sự chị Kiển không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bị hại chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về sợi dây chuyền vàng 18K các bị cáo chiếm đoạt chưa thu hồi được, tuy nhiên chị Kiều không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Xét đây là sự tự nguyện của bị hại, theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc các bị cáo bồi thường giá trị sợi dây chuyền vàng 18K cho chị Kiều.

[10] A và C khai sau khi giật được sợi dây chuyền vàng, A và C mang đến tiệm vàng số 405 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú bán được 2.800.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của A và C, không còn chứng cứ nào khác. Qua làm việc với Nguyễn Thị Thanh Hoàng (chủ tiệm vàng) không thừa nhận và không thu hồi được sợi dây chuyền nên không có căn cứ để xem xét xử lý Hoàng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[11] Đối với Trần Thanh Sang và X2 là người cho A và C mượn xe máy. Do không biết A và C mượn xe làm phương tiện phạm tội nên không có cơ sở xác định Trần Thanh Sang và X2 đồng phạm với A và C.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Các bị cáo A và C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo A 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2021.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo C 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/12/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, số Imei: 357141/06/489065/1, có simcard số: 89840509191042263612 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart Joy 3 màu đen, số Imei 1: 351726110163263, số Imei 2: 351726110163271.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen; 01 (một) quần Jean màu xanh; 01 (một) áo thun tay dài màu đen; 01 (một) quần jean màu xanh; 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng; 01 (một) áo khoác màu xanh dương dài tay có ghi chữ “MIND BLOW03”; 01 (một) đôi giày thể thao hiệu ESTY 2010 và 01 (một) nón bảo hiểm màu cam - xanh có ghi chữ Ahamove.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 112/BB/2021 ngày 24/6/2021 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo A và C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**Đặng Xuân Chính**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Chính**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (PC53);
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Chính**

đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo bản án số 531/HSST ngày 13/5/2002. Ngày 08/9/2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo bản án số 1539/HSST với tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm và dùng thủ đoạn nguy hiểm. Ngày 23/6/2010 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo bản án số 137/2010/HSST với tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và dùng thủ đoạn nguy hiểm. Ngày 06/02/2015 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “cướp giật tài sản” theo bản án số 33/2015/HSST với tình tiết định khung hình phạt thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 07/3/2020. Cả 04 lần kết án này chưa được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Như vậy, tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này (ngày 09/9/2020), theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 70 và khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự thì 03 bản án số 531/HSST ngày 13/5/2002, số 1539/HSST ngày 08/9/2004 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và 137/2010/HSST ngày 23/6/2010 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chưa hết thời hạn được coi là đã xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “có tính chất chuyên nghiệp” và “tái phạm nguy hiểm” và









